

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 4 – 2021

“V/v ly hôn giữa
Chị Th và anh Ph”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà l T R

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông N Đ P

2. Ông T M N

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến D – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1990 (vắng)

Địa chỉ: Số 170, ấp Phú Yên, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Trần Vũ P, sinh năm 1991(vắng)

Địa chỉ: Ấp Long Hòa 1, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Vũ P tự tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Sau khi cưới vợ chồng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân sinh sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017, chị mang thai đứa con thứ 2 được 8 tháng, không xin được việc làm nên ở nhà trợ, còn anh P đi làm công nhân. Không biết lý do gì anh P bỏ chị ở nhà trợ một mình đến 07 ngày sau trở về, chị hỏi anh đi đâu nhưng anh không trả lời và bảo chị về nhà

cha mẹ ruột chờ ngày sinh con, còn anh P đi làm sẽ gửi tiền về cho chị nuôi con. Chị T về nhà cha mẹ ruột ở và sinh con nhưng anh P không về cũng không gửi tiền cho chị nuôi con. Chị có điện thoại hỏi, anh P nói bận đi làm nhưng không đủ tiền để gửi cho chị. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Thời gian ly thân anh P không về thăm vợ con hay điện thoại hỏi thăm vợ con và chưa lần nào gặp mặt con chung Trần Bùi Thảo Vy. Chị nghi ngờ anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vì có người phụ nữ nhắn tin cho chị T biết đang chung sống với anh P như vợ chồng và đã có một con chung. Chị hỏi anh nói không biết. Nay chị không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Bùi Mỹ Ái, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Bùi Thảo Vy, sinh ngày 28/3/2018, hiện nay cháu Ái và cháu Vy đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không

Về nợ: Không

Chị T yêu cầu được vắng mặt các buổi xét xử đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Phạm Thị S cho biết: Bà là mẹ ruột của anh Trần Vũ P. Chị T và anh P ly thân 4 năm, anh chị không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh P.

Bà S xác định T và P có hai con chung tên Trần Bùi Mỹ A và Trần Bùi Thảo V, từ khi ly thân đến nay các cháu đều sống với chị T.

Chị Bùi Tuyết H là chị ruột của chị T cho biết: Từ cuối năm 2017 chị T về quê ở thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang chờ ngày sinh con, anh P ở lại tỉnh Bình Dương làm công nhân sinh sống, anh P chỉ gửi cho chị T 2.000.000 đồng, từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt hai lần nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh P do tìm hiểu rồi thành vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống mặc dù không mâu thuẫn nhưng vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Đề nghị HĐXX cho chị T được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung tên Trần Bùi Mỹ a, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Bùi Thảo V, sinh ngày 28/3/2018, hiện nay đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi hai con không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tiếp tục giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Vũ P nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh P với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Long Hòa 1, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quyền lợi của chị.

Bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 233, khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Anh chị đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 anh P không quan tâm đến sức khỏe của chị T khi chị đang mang thai. Chị nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân đầu năm 2018 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân anh chị kéo dài, chị T không còn tin tưởng anh P, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Vũ P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung tên Trần Bùi Mỹ a, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Bùi Thảo V, sinh ngày 28/3/2018, hiện nay đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi hai con không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ly thân các con sống với chị T, anh P không về thăm con, thậm chí không biết mặt cháu V, yêu cầu của chị T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu a, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao cháu Trần Bùi Mỹ A và Trần Bùi Thảo V cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên và lao động được.

Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Không

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Bùi Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Vũ P

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thanh T được tiếp tục nuôi hai con chung Trần Bùi Mỹ A, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Bùi Thảo V, sinh ngày 28/3/2018, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001722 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh P không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

L T R

